

Số: *273*/2023/CV-ATS

Hà Nội, ngày *27* tháng *03* năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Trụ sở chính : thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại : 02473059886

Website : <http://www.atesco.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Hảo, Người Phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco.

Email : [atescovn@gmail.com](mailto:atescovn@gmail.com)

Loại thông tin công bố:

24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần tập đoàn dược phẩm Atesco cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (đã được soát xét);
- Công văn giải trình chênh lệch LNST năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021.

Các tài liệu này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco vào ngày 27/3/2022 tại đường dẫn: <http://atesco.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;
- Công văn giải trình chênh lệch LNST năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
  
  
**Lê Thị Hảo**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 30

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18, ngày 29/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Vốn điều lệ của Công ty:** 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Bá Nguyên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 28/01/2022; Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 26/05/2022; Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/06/2022.
Ông Trần Ngọc Thái	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Nguyễn Công Lãi	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022 Miễn nhiệm ngày 24/06/2022
Ông Trần Ngọc Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thanh Mai	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Phạm Thị Bích Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Phạm Minh Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Thành Thị Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thị Hoài Thu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Đỗ Văn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thị Thiên Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Đinh Thị Thu Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Trần Anh Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022

### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Lãi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thanh Vân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Trần Ngọc Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
		Miễn nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2022
Bà Nguyễn Thanh Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022

### Người đại diện trước pháp luật của Công ty:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Công Lãi.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết số 2303/2023/NQ/HĐQT-ATS ngày 23/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO tại Công ty CP Phát triển Hệ thống Việt sang cho bà Nguyễn Thanh Vân.

Ngày 23/03/2023 đơn vị đã thực hiện việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Phát triển hệ thống Việt theo Biên bản thanh lý số 032023/TLHĐHTKD/ATS-HTV ngày 23/3/2023.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Công Lãi**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Số: **131**/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO*

**Kính gửi: Quý Cổ đông**  
**Hội đồng quản trị**  
**Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý

kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-ATS ngày 24/06/2022 Thông qua việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HTKD/ATS/HTV ký ngày 01/03/2020 giữa Công ty CP tập đoàn dược phẩm Atesco (Bên A) với Công ty CP phát triển Hệ thống Việt (Bên B). Đến thời điểm 31/12/2022, đơn vị vẫn chưa thực hiện việc thanh lý hợp đồng này. Tuy nhiên, ngày 23/03/2023 đơn vị đã thực hiện việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Phát triển hệ thống Việt theo Biên bản thanh lý số 032023/TLHĐHTKD/ATS-HTV ngày 23/3/2023. Toàn bộ số tiền hợp tác kinh doanh và lãi về việc hợp tác kinh doanh là 32.009.424.657 đồng được thu hồi theo Giấy báo có ngày 24/03/2023 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thăng Long.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TPP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Trần Phú Hạnh**

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 0726-2023-133-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Hà Phương**

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 4033-2023-133-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022Đơn vị tính: VND  
Số đầu năm

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.516.419.428</b>	<b>23.395.487.124</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>145.878.117</b>	<b>3.210.644.255</b>
1. Tiền	111		145.878.117	3.210.644.255
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.269.145.601</b>	<b>14.939.107.200</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	4.203.675.450	4.150.032.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	2.741.972.258	2.741.972.300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	8.580.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.009.470.193	2.150.075.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(2.685.972.300)	(2.682.972.300)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>26.823.712</b>	<b>10.569.637</b>
1. Hàng tồn kho	141		26.823.712	10.569.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.074.571.998</b>	<b>5.235.166.032</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	-	1.111.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.074.571.998	5.234.054.928
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35.706.142.546</b>	<b>35.720.826.894</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	30.000.000.000	30.500.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	(500.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.479.914</b>	<b>12.399.510</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.479.914	12.399.510
- Nguyên giá	222		101.348.000	101.348.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(98.868.086)	(88.948.490)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>5.700.000.000</b>	<b>5.700.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.700.000.000	5.700.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.662.632</b>	<b>8.427.384</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	3.662.632	8.427.384
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>48.222.561.974</b>	<b>59.116.314.018</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.999.287.291</b>	<b>16.701.568.045</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.999.287.291</b>	<b>16.701.568.045</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.806.228.656	9.900.477.235
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	597.126.853	3.520.490.964
3. Phải trả người lao động	314		514.113.600	623.057.500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		81.818.182	81.818.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	-	777.801.265
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	-	1.797.922.899
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.223.274.683</b>	<b>42.414.745.973</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>43.223.274.683</b>	<b>42.414.745.973</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.223.274.683	7.414.745.973
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.414.745.973	5.182.871.796
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		808.528.710	2.231.874.177
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>48.222.561.974</b>	<b>59.116.314.018</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Lãi

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND  
 Năm trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	42.249.349.300	38.397.925.728
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		42.249.349.300	38.397.925.728
4. Giá vốn hàng bán	11	19	37.945.710.730	34.339.781.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.303.638.570	4.058.144.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	448.867.881	1.826.418.848
7. Chi phí tài chính	22	21	63.432.803	106.448.164
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.432.803	106.448.164
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	1.890.361.159	2.035.552.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.798.712.489	3.742.562.468
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	22	1.077.578.962	1.057.858.442
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.077.578.962)	(1.057.858.442)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.721.133.527	2.684.704.026
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	912.604.817	452.829.849
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		808.528.710	2.231.874.177
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	231	638
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Công Lãi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Phương pháp trực tiếp**  
**Năm 2022**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	42.184.596.050	36.871.221.218
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(40.568.864.885)	(26.221.188.875)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(6.710.626.800)	(6.400.771.308)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(63.435.274)	(106.448.164)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(984.306.275)	(365.611.736)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	20.584.410.959	2.385.975.719
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(24.294.649.281)	(2.045.509.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.852.875.506)</b>	<b>4.117.667.454</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.400.000.000)	(27.790.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.981.000.000	22.120.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.032.265	215.459.944
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.586.032.265</b>	<b>(5.454.540.056)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	500.000.000	8.035.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.297.922.897)	(6.237.077.101)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.797.922.897)</b>	<b>1.797.922.899</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.064.766.138)</b>	<b>461.050.297</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.210.644.255	2.749.593.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>145.878.117</b>	<b>3.210.644.255</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Công Lãi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được  
đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18, ngày 29/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ công nhân viên: 57 người

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn;

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính

Công ty lập Báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị

04 - 05 năm

## 2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 2.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### 2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	90.659.176	3.204.242.086
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.218.941	6.402.169
<b>Cộng</b>	<b>145.878.117</b>	<b>3.210.644.255</b>

  

4. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	4.203.675.450	4.150.032.200
<b>Cộng</b>	<b>4.203.675.450</b>	<b>4.150.032.200</b>

  

5. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
Khác	55.999.958	56.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.741.972.258</b>	<b>2.741.972.300</b>

  

6. Phải thu về cho vay	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cho vay cá nhân (*)	-	8.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.580.000.000</b>

(\*) Đây là khoản cho các cá nhân vay theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn, lãi suất là 3%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp. Công ty đã thu hồi khi hết hạn hợp đồng.

7. Phải thu khác	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Bảo hiểm xã hội dư nợ	45.536	-	75.000	-
Tạm ứng	-	-	350.000.000	-
Phải thu khác	2.009.424.657	-	1.800.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh (*)	2.009.424.657	-	1.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.009.470.193</b>	<b>-</b>	<b>2.150.075.000</b>	<b>-</b>

7. Phải thu khác (tiếp)	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b. Dài hạn</b>				
Công ty cổ phần AAI VN	-	-	500.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

<b>c. Các bên liên quan</b>	<b>32.009.424.657</b>	<b>31.800.000.000</b>
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	32.009.424.657	31.800.000.000

Khoản hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP tập đoàn dược phẩm Atesco (Bên A) với Công ty CP phát triển Hệ thống Việt (Bên B) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HTKD/ATS/HTV ký ngày 01/03/2020.

Chi tiết hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- Bên B đang thực hiện dự án lắp đặt, vận hành và bảo hành hệ thống bảng Led quảng cáo cho toàn bộ các trung tâm thương mại Vincom cùng với Công ty CP Quảng cáo và Truyền thông đa phương tiện Goldmoon Media.

Bên A góp vốn vào bên B để cùng hưởng lợi nhuận từ dự án mà bên B hợp tác với Goldmoon Media.

+ Về góp vốn: Bên A góp 30.000.000.000 VND; Bên B góp 30.000.000.000 VND.

+ Tỷ lệ chia lợi nhuận: Bên A hưởng 50%; Bên B hưởng 50% lợi nhuận sau thuế từ dự án.

+ Thời hạn hợp tác: 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Rút vốn: Trong trường hợp vốn chưa được sử dụng hết, thì mỗi bên có quyền đề nghị bằng văn bản rút vốn

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-ATS ngày 24/06/2022 Thông qua việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Đến thời điểm 31/12/2022, đơn vị vẫn chưa thực hiện việc thanh lý hợp đồng này. Tuy nhiên, ngày 23/03/2023 đơn vị đã thực hiện việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Phát triển hệ thống Việt theo Biên bản thanh lý số 032023/TLHĐHTKD/ATS-HTV ngày 23/3/2023. Toàn bộ số tiền hợp tác kinh doanh và lãi về việc hợp tác kinh doanh là 32.009.424.657 đồng được thu hồi theo Giấy báo có ngày 24/03/2023 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thăng Long

#### 8. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	-	1.654.917.300	3.000.000
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc	951.055.000	-	951.055.000	-
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	-	80.000.000	-
Công ty cổ phần AAI VN	-	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.685.972.300</b>	<b>-</b>	<b>3.185.972.300</b>	<b>3.000.000</b>

9. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.823.712	10.569.637
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.823.712</b>	<b>10.569.637</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

#### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu năm	101.348.000	101.348.000
Số tăng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.348.000</b>	<b>101.348.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	88.948.490	88.948.490
Số tăng trong năm	9.919.596	9.919.596
- Khấu hao trong năm	9.919.596	9.919.596
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>98.868.086</b>	<b>98.868.086</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	12.399.510	12.399.510
Tại ngày cuối năm	2.479.914	2.479.914

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND

- TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

#### 11. Chi phí trả trước

11. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	1.111.104
- Công cụ dụng cụ	-	1.111.104
<b>b. Dài hạn</b>	3.662.632	8.427.384
- Công cụ dụng cụ	3.662.632	7.295.968
- Chi phí khác	-	1.131.416
<b>Cộng</b>	<b>3.662.632</b>	<b>9.538.488</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**12. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>							
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.700.000.000	-			5.700.000.000	-
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	19%	5.700.000.000	(*)		19%	5.700.000.000	(*)

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Theo Nghị Quyết số 2303/2023/NQ/HĐQT-ATS ngày 23/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO tại Công ty CP Phát triển Hệ thống Việt sang cho bà Nguyễn Thanh Vân với giá chuyển nhượng là 5.700.000.000 đồng. Ngày 24/3/2023, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2023/HDCN/ATS-NTV với Bà Nguyễn Thanh Vân và toàn bộ giao dịch chuyển nhượng, thanh quyết toán hợp đồng đã được thực hiện trong ngày 24/3/2023.

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	Phòng 901-4 Tầng 9, Khu A Tòa nhà Sky City Tower, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Ngắn hạn	-	-	500.000.000	2.297.922.899	1.797.922.899	1.797.922.899	
Vay ngắn hạn	-	-	500.000.000	2.297.922.899	1.797.922.899	1.797.922.899	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long Biên							

**Vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long Biên theo hợp đồng tín dụng số 114LBN/2021/HHTD ngày 28/06/2021.**

- Hạn mức cấp tín dụng: 1.840.000.000 đồng

- Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể

- Lãi suất cho vay: Lãi suất theo từng giấy nhận nợ

- Đảm bảo khoản vay: Không áp dụng tài sản đảm bảo

Số dư tại 31/12/2022 là: 0 đồng



<b>14. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.806.228.656</b>	<b>9.900.477.235</b>
Công ty TNHH MTV DV Du lịch và TM Hồng hà	-	3.286.511.500
Công ty TNHH thực phẩm Dũng Lan	447.780.499	2.850.442.900
Công ty TNHH Phúc Khang Hải Dương	640.895.150	942.060.720
Hộ kinh doanh Đoàn Hương Giang	382.593.705	280.847.000
Công ty TNHH TMDV thực phẩm An Hà	400.752.508	242.442.150
Công ty Cổ Phần TMDV và XD Trường Thịnh	1.099.067.490	399.027.000
Công ty TNHH cung ứng khí hóa lỏng Hà Nội	409.127.855	447.826.550
Khác	426.011.449	1.451.319.415
<b>Cộng</b>	<b>3.806.228.656</b>	<b>9.900.477.235</b>

<b>15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	Đơn vị tính: VND			
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số thực nộp</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	1.698.170.382	624.000	1.698.794.382	-
Thuế Thu nhập doanh	631.443.956	912.604.817	984.306.275	559.742.498
Thuế Thu nhập cá nhân	30.973.993	59.847.230	53.436.868	37.384.355
Các loại thuế khác	3.000.000	15.000.000	18.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.156.902.633	378.749.158	1.535.651.791	-
<b>Cộng</b>	<b>3.520.490.964</b>	<b>1.366.825.205</b>	<b>4.290.189.316</b>	<b>597.126.853</b>

<b>16. Phải trả khác</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	777.801.265
<i>Công ty TNHH MTV DV Du lịch và TM Hồng hà</i>		<i>777.801.265</i>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>777.801.265</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND  
Cộng

Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
- Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	5.182.871.796	40.182.871.796
- Tăng vốn trong năm trước			-
- Lãi/ Lỗ trong năm trước		2.231.874.177	2.231.874.177
- Trích lập các quỹ			-
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>7.414.745.973</b>	<b>42.414.745.973</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>7.414.745.973</b>	<b>42.414.745.973</b>
- Tăng vốn trong năm			-
- Lãi/ Lỗ trong năm		808.528.710	808.528.710
- Trích lập các quỹ			-
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>8.223.274.683</b>	<b>43.223.274.683</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các thành viên khác	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%
Vốn góp của Nhà nước				
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Doanh thu</b>		
- Doanh thu cung cấp suất ăn	42.249.349.300	38.397.925.728
<b>Cộng</b>	<b>42.249.349.300</b>	<b>38.397.925.728</b>
19. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	37.945.710.730	34.339.781.442
<b>Cộng</b>	<b>37.945.710.730</b>	<b>34.339.781.442</b>
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	5.032.265	26.418.848
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	443.835.616	1.800.000.000
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ		
- Khác		
<b>Cộng</b>	<b>448.867.881</b>	<b>1.826.418.848</b>
21. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	63.432.803	106.448.164
<b>Cộng</b>	<b>63.432.803</b>	<b>106.448.164</b>
22. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	1.077.578.962	1.055.161.652
- Khác		2.696.790
<b>Cộng</b>	<b>1.077.578.962</b>	<b>1.057.858.442</b>
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	8.308.856	81.495.461
- Chi phí nhân công	1.307.060.481	1.227.781.000
- Chi phí khấu hao	9.919.596	9.919.596
- Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	23.324.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.781.003	96.074.010
- Chi phí khác bằng tiền	427.291.223	312.641.235
- Chi phí dự phòng	3.000.000	284.316.500
<b>Cộng</b>	<b>1.890.361.159</b>	<b>2.035.552.502</b>

**24. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	32.565.468.533	29.453.004.509
- Chi phí nhân công	6.644.460.381	6.111.888.944
- Chi phí khấu hao	9.919.596	9.919.596
- Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.781.003	180.238.460
- Chi phí khác bằng tiền	478.441.223	620.282.435
- Chi phí dự phòng	3.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>39.836.070.736</b>	<b>36.375.333.944</b>

**24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	808.528.710	2.231.874.177
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	808.528.710	2.231.874.177
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	231	638

**25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.721.133.527	2.684.704.026
<b>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.077.578.962</b>	<b>549.794.892</b>
- Các khoản chi khác	1.077.578.962	549.794.892
Lợi nhuận chịu thuế	2.798.712.489	3.234.498.918
<b>Thuế suất hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
Truy thu thuế TNDN	352.862.319	
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>912.604.817</b>	<b>646.899.784</b>
Giảm 30% theo NĐ 92/NĐ-CP/2021		194.069.935
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>912.604.817</b>	<b>452.829.849</b>

**26. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.878.117		3.210.644.255	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.213.145.643	(2.685.972.300)	36.800.107.200	(3.182.972.300)
Các khoản cho vay	-		8.580.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	5.700.000.000	-	5.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>42.059.023.760</b>	<b>(2.685.972.300)</b>	<b>54.290.751.455</b>	<b>(3.182.972.300)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	1.797.922.899
Phải trả người bán, phải trả khác	3.806.228.656	10.678.278.500
Chi phí phải trả	81.818.182	81.818.182
<b>Cộng</b>	<b>3.888.046.838</b>	<b>12.558.019.581</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.878.117			145.878.117
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.213.145.643	30.000.000.000		36.213.145.643
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư dài hạn		5.700.000.000		5.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.359.023.760</b>	<b>35.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>42.059.023.760</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.210.644.255			3.210.644.255
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.300.107.200	30.500.000.000		36.800.107.200
Các khoản cho vay	8.580.000.000	-		8.580.000.000
Đầu tư dài hạn		5.700.000.000		5.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.090.751.455</b>	<b>36.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>54.290.751.455</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.806.228.656	-	-	3.806.228.656
Chi phí phải trả	81.818.182	-	-	81.818.182
<b>Cộng</b>	<b>3.888.046.838</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.888.046.838</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.797.922.899	-	-	1.797.922.899
Phải trả người bán, phải trả khác	10.678.278.500	-	-	10.678.278.500
Chi phí phải trả	81.818.182	-	-	81.818.182
<b>Cộng</b>	<b>12.558.019.581</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.558.019.581</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Các Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần	42.249.349.300	-	42.249.349.300
Chi phí bộ phận	37.945.710.730	-	37.945.710.730
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>4.303.638.570</b>	<b>-</b>	<b>4.303.638.570</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>1.890.361.159</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.413.277.411
Doanh thu hoạt động tài chính			448.867.881
Chi phí tài chính			63.432.803
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			1.077.578.962
Thuế TNDN hiện hành			912.604.817
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>808.528.710</b>

**28. Giao dịch với bên liên quan**

**a. Thông tin các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	Công ty đầu tư khác

**b. Giao dịch với bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lãi hợp tác đầu tư</b>	<b>443.835.616</b>	<b>189.041.096</b>
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	443.835.616	189.041.096

**Thù lao hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Phạm Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc	473.160.000	444.497.500
Bà Nguyễn Thanh Vân Giám đốc đến ngày 28/1/2022	15.550.000	181.638.000

**Tổng**

<b>488.710.000</b>	<b>626.135.500</b>
--------------------	--------------------

**b. Số dư với bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu khác</b>	<b>32.009.424.657</b>	<b>31.800.000.000</b>
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	32.009.424.657	31.800.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị Quyết số 2303/2023/NQ/HĐQT-ATS ngày 23/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO tại Công ty CP Phát triển Hệ thống Việt sang cho bà Nguyễn Thanh Vân.

Ngày 23/03/2023 đơn vị đã thực hiện việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Phát triển hệ thống Việt theo Biên bản thanh lý số 032023/TLHĐHTKD/ATS-HTV ngày 23/3/2023.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**29. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán;

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Lai